

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 822/2025/DS-PT  
Ngày: 23/12/2025  
V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiền Phương

*Các Thẩm phán:* Bà Võ Thị Hồng Mai

Ông Trần Tấn Quốc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 548/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 672/2025/QĐ-PT ngày 30/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 390/2025/QĐ-PT ngày 02/12/2025, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trần Huỳnh T, sinh năm: 1986; Cư trú tại: Ấp D, xã P, huyện B, tỉnh Long An. (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Bùi Như T1, sinh năm: 1987; Cư trú tại: Ấp D, xã P, huyện B, tỉnh Long An. (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh) (theo giấy ủy quyền ngày 13 tháng 01 năm 2025) (Có mặt)

***- Bị đơn:*** Ông Phan Văn H, sinh năm: 1966; Cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh

Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh). (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị Út M, sinh năm: 1971; Cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh). (Vắng mặt)

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Huỳnh T; bà Bùi Như T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Huỳnh Tam thống N trình bày:

Ông Trần Huỳnh T và ông Phan Văn H là chỗ quen biết ngoài xã hội nên ông H giới thiệu có quen biết với các phòng ban, sở của tỉnh Long An để nhận làm dịch chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở. Biết ông T là người có nhu cầu chuyển mục đích đất nông nghiệp lên đất ở và mở lối đi riêng nên ông H đã tiếp cận tạo niềm tin để nhận làm dịch vụ chuyển mục đích từ đất nông nghiệp lên đất ONT cho ông T; Địa chỉ đất ở xã L và xã P, huyện B, tỉnh Long An. Ông H hứa trong thời gian 06 tháng sẽ chuyển mục đích lên đất ONT và 03 tháng sẽ mở lối đi công cộng kể từ ngày nhận tiền tạm ứng. Giữa ông T với ông H giao dịch chuyển mục đích đất và mở lối đi chỉ hợp đồng bằng lời nói chứ không có ký hợp đồng bằng văn bản. Số tiền dịch vụ là 1.700.000.000 đồng, ông H xin tạm ứng trước 50% với số tiền là 850.000.000 đồng, ông T đã chuyển khoản cho ông H 820.000.000 đồng và tiền mặt là 30.000.000 đồng, cụ thể cho việc tạm ứng tiền:

- Ngày 03 tháng 11 năm 2023, chuyển khoản số tiền 250.000.000 đồng.
- Ngày 09 tháng 11 năm 2023, chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng.
- Ngày 15 tháng 11 năm 2023, chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng.
- Ngày 26 tháng 11 năm 2023, chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng và 30.000.000 đồng là tiền công, tiền vật tư mà ông Tam X công rão cho nhà ông H.
- Ngày 17 tháng 12 năm 2023, chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 30 tháng 12 năm 2023, chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 08 tháng 01 năm 2024, chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng.

Từ ngày 03 tháng 11 năm 2023, ông H tạm ứng tiền để làm dịch vụ cho đến nay nhưng ông H không thực hiện làm dịch vụ chuyển mục đích từ đất nông

nghiệp sang đất ở, cũng như mở đường công cộng cho ông T, ông H cũng không trả tiền lại cho ông T. Mặc dù, ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H thực hiện công việc hoặc trả lại tiền nhưng ông H hứa hẹn nhiều lần và cố tình né tránh không thực hiện.

Do vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Huỳnh Tam N1 theo khởi kiện ban đầu ông Trần Huỳnh T yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn H phải trả lại cho ông Trần Huỳnh Tam S tiền gốc 850.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn H phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/12/2024 là 85.000.000 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 02/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 850.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị Út M và ông Phan Văn H liên đới trả lại cho ông Trần Huỳnh Tam S tiền gốc 850.000.000 đồng. Cũng như yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị Út M liên đới phải trả tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/12/2024 trên số tiền gốc 850.000.000 đồng  $\times 10\%/năm = 85.000.000$  đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 02/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc mà ông H, bà M còn nợ của ông T.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Bùi Như T1 chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị Út M liên đới trả cho ông T tổng số tiền gốc 800.000.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tính lãi trên nợ gốc đối với số tiền 300.000.000 đồng của chuyển khoản ngày 03, 09 tháng 11 năm 2023, tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất quy định của pháp luật 10%/năm.

Còn đối với số tiền chuyển khoản 100.000.000 đồng, ngày 17 tháng 12 năm 2023, thì yêu cầu Tòa án tính lãi trên nợ gốc từ ngày 18 tháng 12 năm 2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền chuyển khoản 100.000.000 đồng, ngày 30 tháng 12 năm 2023, yêu cầu Tòa án tính lãi trên nợ gốc từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền chuyển khoản 300.000.000 đồng, ngày 08 tháng 01 năm 2024, yêu cầu Tòa án tính lãi trên nợ gốc từ ngày 09 tháng 01 năm 2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, đều theo mức lãi suất quy định của pháp luật 10%/năm. Đồng thời, yêu cầu trả lãi đến khi thi hành án xong theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị Út M đã được Tòa án thực hiện phương thức tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng ông Phan Văn H

và bà Huỳnh Thị Út M vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huỳnh Tam .

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh) đã xử (tóm tắt):

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 119, 357, 513, 514, 516, 517 và 519 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huỳnh Tam đối V ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị Út M.

Buộc ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị Út M liên đới phải trả cho ông Trần Huỳnh Tam S tiền 920.848.000 (Chín trăm hai mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án; Quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định. Quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định

Ngày 10/7/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/7/2025 kháng nghị phúc thẩm một phần đối với bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh)

Tại phiên Tòa phúc thẩm,

Bà Bùi Như T1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Huỳnh T trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 đại diện cho ông Trần Huỳnh Tam C yêu cầu vợ chồng ông H và bà M phải trả lại số tiền gốc là 800.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi là 120.848.000 đồng thì bà T1 đại diện cho ông T không yêu cầu nữa.

Bị đơn là ông Phan Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Út M vắng mặt.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng nghị: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Tây Ninh ban hành Quyết định số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/7/2025 kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 62/2015/DSST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh), đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần giải quyết của bản án sơ thẩm về tiền lãi và trách nhiệm liên đới trả nợ, thấy rằng:

*Về việc giải quyết đối với tiền lãi:* Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H phải hoàn trả lại số tiền gốc 800.000.000 đồng cùng với lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định của pháp luật 10%/năm là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hạn tính lãi chậm trả từ ngày mà ông T chuyển khoản tạm ứng cho ông H cho đến khi xét xử sơ thẩm thành tiền 120.848.000 đồng là chưa phù hợp, bởi lẽ các bên thỏa thuận hợp đồng dịch vụ là có thời hạn nên ông H chỉ phải chịu lãi chậm trả ngay khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng dịch vụ mà không thực hiện được công việc như đã thỏa thuận và có nghĩa vụ phải hoàn lại tiền. Nên kháng nghị về phần tiền lãi là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 đại diện ông T xác định chỉ yêu cầu hoàn trả lại số tiền gốc 800.000.000 đồng, không yêu cầu số tiền lãi 120.848.000 đồng là có lợi cho ông H, phù hợp với một phần nội dung kháng nghị nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa án sơ thẩm về phần tiền lãi.

*Về trách nhiệm liên đới:* Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Huỳnh Thị Út M phải liên đới với ông Phan Văn H hoàn trả cho ông Trần Huỳnh Tam S tiền 920.848.000 đồng cùng án phí dân sự sơ thẩm là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ, thỏa thuận thực hiện hợp đồng dịch vụ chỉ được giao kết giữa ông Trần Huỳnh T và ông Phan Văn H, phía ông T cũng chỉ thực hiện giao dịch chuyển khoản vào số tài khoản cá nhân của ông H. Không có căn cứ nào thể hiện việc bà Huỳnh Thị Út M biết được giao kết trên của ông H và ông T cũng như không có căn cứ nào thể hiện ông H sử dụng số tiền trên vào mục đích chung của gia đình nên không có cơ sở để buộc bà M có trách nhiệm liên đới.

Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/7/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh, sửa một phần bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thủ tục tố tụng:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh thực hiện đúng theo quy định tại Điều 278, Điều 279, Điều 280 và Điều 281 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới trả số tiền nợ gốc và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Người kháng nghị vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phan Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Út M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/7/2025 kháng nghị phúc thẩm một phần đối với bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh). Căn cứ theo Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung của bản án sơ thẩm có kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung giải quyết vụ án và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh:

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh về phần lãi suất: Tại bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi từ ngày ông T chuyển khoản tạm ứng cho ông H là chưa phù hợp. Bởi lẽ, đây là hợp đồng dịch vụ có thời hạn thực hiện (06 tháng đối với chuyển mục đích đất và 03 tháng đối với mở lối đi). Tuy nhiên, về thời hạn thực hiện cũng chỉ do phía nguyên đơn trình bày, hai bên không có giao kết hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Theo quy định của pháp luật thì nghĩa vụ trả lại tiền và phát sinh lãi chậm trả chỉ xảy ra khi hết thời hạn thực hiện công việc mà ông H không thực hiện được. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Như T1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H và bà M

trả số tiền gốc 800.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi 120.848.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh về trách nhiệm liên đới của bà Huỳnh Thị Út M: Kháng nghị cho rằng không có căn cứ buộc bà Huỳnh Thị Út M liên đới, vì không có căn cứ nào thể hiện việc bà M biết được giao kết trên của ông H và ông T cũng như không có căn cứ nào thể hiện ông H sử dụng số tiền 800.000.000 đồng vào mục đích chung của gia đình nên không có cơ sở để buộc bà M có trách nhiệm liên đới. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn, số tiền này chuyển cho ông H trong giai đoạn ông H và bà M sống chung nhà với nhau tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh). Số tiền 800.000.000 đồng là khoản tiền lớn, được chuyển nhiều lần trong thời gian dài vào tài khoản của ông H. Trong quá trình giải quyết, ông H và M luôn vắng mặt, không có ý kiến gì về vấn đề liên đới này để xác định đây là nợ riêng hay số tiền này không dùng cho gia đình. Việc ông H nhận làm dịch vụ để thu lợi nhuận là hoạt động tạo thu nhập chính cho đời sống gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà M liên đới trách nhiệm là có căn cứ, phù hợp với thực tế và bảo vệ quyền lợi người thứ ba ngay tình. Kháng nghị về phần này của Viện kiểm sát là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh về phần tiền lãi, không chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh về phần trách nhiệm liên đới của bà Huỳnh Thị Út M.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Từ nhận định tại [4], [5] án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định của pháp luật như sau:

[7.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu số tiền lãi 120.848.000 đồng nên nguyên đơn vẫn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.042.400 đồng tính trên số tiền lãi này nhưng được khấu trừ vào số tiền 20.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0013967 ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Hoàn trả lại số tiền chênh lệch cho ông T là 13.982.600 đồng.

[7.2] Ông H và bà M phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng tính trên số tiền phải trả lại cho nguyên đơn là 800.000.000 đồng. Cụ thể:

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh về phần tiền lãi.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh về phần trách nhiệm liên đới của bà Huỳnh Thị Út M.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2025/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh).

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 119, 357, 513, 514, 516, 517 và 519 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huỳnh Tam đối V ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị Út M.

1. Buộc ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị Út M liên đới phải trả cho ông Trần Huỳnh Tam S tiền gốc 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ông Phan Văn H và bà Huỳnh Thị Út M liên đới phải nộp 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Ông Trần Huỳnh Tam P chịu 6.042.400 đồng (Sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 20.025.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0013967 ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Hoàn trả lại số tiền chênh lệch cho ông Trần Huỳnh Tam L 13.982.600 đồng (Mười ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa phúc thẩm - TANDTC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 7 –Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Tiền Phương**